

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 409 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 02 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực
khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 37/TTr-STNMT ngày 04/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./y

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ TN&MT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CĐ ANHP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT, NC&KTGS;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số **409** /QĐ-UBND ngày **17/02/2025** của Chủ tịch UBND thành phố)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						DVC trực tuyến	Dịch vụ Bru chính công ích	
I	THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (04 TTHC)							
1	1.013321	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<i>- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 30 ngày làm việc.</i> <i>- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 26 ngày làm việc.</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
								(8) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	1.013322	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<p>- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 25 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 13 ngày làm việc.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ;</p> <p>(3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>(4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;</p> <p>(5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ;</p> <p>(6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;</p> <p>(7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>(8) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
3	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<p>- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 25 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Không quá 16 ngày làm việc.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ;</p> <p>(3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>(4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;</p> <p>(5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ;</p> <p>(6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;</p> <p>(7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
4	1.013324	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Không quá 30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
II	THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTHC)							

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
1	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Không quá 09 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; (3) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; (4) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Không quá 17 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; (3) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; (4) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

